

Số: /TB-TT-CLT

Hà Nội, ngày tháng năm

**THÔNG BÁO**  
**Danh sách tạm thời giống lúa, giống ngô đối chứng**  
**trong khảo nghiệm diện hẹp và diện rộng**

Kính gửi: .....

Cục Trồng trọt thông báo Danh sách tạm thời giống lúa, giống ngô đối chứng trong khảo nghiệm diện hẹp và khảo nghiệm diện rộng (Danh sách giống theo phụ lục đính kèm).

Các tổ chức khảo nghiệm diện hẹp và khảo nghiệm diện rộng giống lúa, ngô (khảo nghiệm VCU) được công nhận theo quy định căn cứ vào Danh sách này để lựa chọn, sử dụng giống đối chứng cho phù hợp với nhóm giống do tổ chức, cá nhân đăng ký khảo nghiệm và có trách nhiệm đề xuất, bổ sung giống đối chứng mới kịp thời về Cục Trồng trọt nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác khảo nghiệm giống cây trồng và phù hợp với yêu cầu của thực tiễn sản xuất.

Đối với các giống đăng ký khảo nghiệm mới chưa có giống được công nhận lưu hành để đưa vào làm giống đối chứng, tổ chức khảo nghiệm căn cứ vào tờ khai kỹ thuật của đơn vị gửi giống khảo nghiệm để bố trí giống đối chứng phù hợp nhất.

Đề nghị các tổ chức khảo nghiệm VCU giống lúa, ngô và các đơn vị có liên quan thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT, CLT.

**CỤC TRƯỞNG**

**Nguyễn Như Cường**

**Phụ lục 1:**  
**DANH SÁCH GIỐNG ĐỐI CHỨNG LÚA, NGÔ PHỤC VỤ**  
**KHẢO NGHIỆM VCU CÁC VÙNG TRUNG DU MIỀN NÚI PHÍA BẮC,**  
**ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG VÀ BẮC TRUNG BỘ**  
*(Kèm theo Thông báo số:        /TT-CLT ngày    tháng    năm*  
*của Cục trưởng Cục Trồng trọt)*

**I. Đối với lúa**

| TT         | Nhóm giống theo mục đích sử dụng         | Lúa thuần                                                         | Lúa lai                                     |
|------------|------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Nhóm lúa tẻ Indica</b>                |                                                                   |                                             |
| 1          | Nhóm lúa tẻ năng suất cao                | Cực ngắn: PC6                                                     | Lai 2 dòng: TH3-3<br>Lai 3 dòng: Nhị ưu 838 |
|            |                                          | Ngắn ngày: Khang dân 18                                           |                                             |
|            |                                          | Trung ngày: BC15.                                                 |                                             |
| 2          | Nhóm lúa tẻ chất lượng cao               | Cực ngắn: PC6                                                     | Lai 2 dòng: MHC2<br>Lai 3 dòng: HKT99       |
|            |                                          | Ngắn ngày: TBR225                                                 |                                             |
|            |                                          | Trung ngày:                                                       |                                             |
| 3          | Nhóm lúa tẻ thơm                         | Bắc thơm số 7, HT1                                                |                                             |
| <b>II</b>  | <b>Nhóm lúa tẻ Japonica</b>              | VAAS16.                                                           |                                             |
| <b>III</b> | <b>Nhóm lúa nếp</b>                      | Nếp N97, Nếp thơm Hưng Yên, Nếp cái hoa vàng (Phản ứng ánh sáng). |                                             |
| <b>IV</b>  | <b>Nhóm lúa có giá trị về dinh dưỡng</b> | Thảo dược Vĩnh Hòa 1                                              |                                             |
| <b>V</b>   | <b>Nhóm chịu mặn</b>                     | SHPT5                                                             |                                             |

**II. Đối với ngô**

| TT | Nhóm giống theo mục đích sử dụng             | Giống                                                                                                                        |
|----|----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Nhóm ngô tẻ lấy hạt                          | Chín sớm: LNV99, LVN885                                                                                                      |
|    |                                              | Chín trung bình: C.P.511, VN5885, LVN61, LVN092, NK4300, B9698, B258                                                         |
|    |                                              | Chín muộn: LVN10                                                                                                             |
| 2  | Nhóm ngô tẻ lấy hạt có hàm lượng protein cao | NK6253, LCH9                                                                                                                 |
| 3  | Nhóm ngô tẻ sinh khối                        | NK7328, C.P.512, C.P.111, LCH9                                                                                               |
| 4  | Nhóm ngô nếp                                 | Nếp trắng: HN88, ADI668, VH686, HN68, MX4<br>Nếp nhiều màu: HANA 865, HANA 608<br>Nếp 1 màu: Funcy111<br>Nếp đường: HANA 685 |
| 5  | Nhóm ngô đường                               | SW1011, Hi-brix 58                                                                                                           |

**Phụ lục 2:**  
**DANH SÁCH GIỐNG ĐỐI CHỨNG LÚA, NGÔ PHỤC VỤ KHẢO NGHIỆM VCU**  
**VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ**  
*(Kèm theo Thông báo số:           /TT-CLT ngày    tháng    năm*  
*của Cục trưởng Cục Trồng trọt)*

**I. Đối với lúa**

| TT         | Nhóm giống theo mục đích sử dụng | Lúa thuần                                                    | Lúa lai                                                            |
|------------|----------------------------------|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Nhóm lúa tẻ Indica</b>        |                                                              |                                                                    |
| 1          | Nhóm lúa tẻ năng suất cao        | Cực ngắn: DCG72                                              | Lai 2 dòng:<br>HYT108, HR182<br>Lai 3 dòng: Nhị ưu<br>838 và BTE-1 |
|            |                                  | Ngắn ngày: TH6, ML202, PC6                                   |                                                                    |
|            |                                  | Trung ngày: KD đột biến, Thiên ưu 8, Q5                      |                                                                    |
|            |                                  | Dài ngày: Xi23                                               |                                                                    |
| 2          | Nhóm lúa tẻ chất lượng cao       | Cực ngắn: DCG72                                              |                                                                    |
|            |                                  | Ngắn ngày: An sinh 1399 (ANS1), Thiên Hương 6 (QNG6), QNg128 |                                                                    |
|            |                                  | Trung ngày: Hương Xuân, Hà Phát 3, Bắc Thịnh                 |                                                                    |
| 3          | Nhóm lúa tẻ thơm                 | Đài thơm 8, HT1                                              |                                                                    |
| <b>II</b>  | <b>Nhóm lúa tẻ Japonica</b>      | J02                                                          |                                                                    |
| <b>III</b> | <b>Nhóm lúa nếp</b>              | IR352 (Nếp 87)                                               |                                                                    |

**II. Đối với ngô**

| TT | Nhóm giống theo mục đích sử dụng             | Giống                                                           |
|----|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| 1  | Nhóm ngô tẻ lấy hạt                          | Chín sớm: VS6939                                                |
|    |                                              | Chín trung bình: CP333; PAC339, LVN61, C.P.511, C.P.811, NK6253 |
|    |                                              | Chín muộn: LVN10, CP888                                         |
| 2  | Nhóm ngô tẻ lấy hạt có hàm lượng protein cao | LCH 9, NK6253                                                   |
| 3  | Nhóm ngô tẻ sinh khối                        | NK7328, CP512, C.P.111                                          |
| 4  | Nhóm ngô nếp                                 | MX6, HN88, VH686, MX10, MX4                                     |
| 5  | Nhóm ngô đường                               | Golden Cob, SW1011                                              |

**Phụ lục 3:**  
**DANH SÁCH GIỐNG ĐỐI CHỨNG LÚA, NGÔ PHỤC VỤ KHẢO NGHIỆM VCU**  
**VÙNG TÂY NGUYÊN**

(Kèm theo Thông báo số:           /TT-CLT ngày       tháng       năm  
của Cục trưởng Cục Trồng trọt)

**I. Đối với lúa**

| TT         | Nhóm giống theo mục đích sử dụng | Lúa thuần                                                    | Lúa lai                                                      |
|------------|----------------------------------|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Nhóm lúa tẻ Indica</b>        |                                                              |                                                              |
| 1          | Nhóm lúa tẻ năng suất cao        | Ngắn ngày: TH6, ML202                                        | Lai 2 dòng: HYT108, HR182<br>Lai 3 dòng: Nhị ưu 838 và PHB71 |
|            |                                  | Trung ngày: KD đột biến, Khang dân 18, Q5                    |                                                              |
|            |                                  | Dài ngày: Xi23, IR17494                                      |                                                              |
| 2          | Nhóm lúa tẻ chất lượng cao       | Ngắn ngày: An sinh 1399 (ANS1), Thiên Hương 6 (QNG6), QNg128 |                                                              |
|            |                                  | Trung ngày: Hương Xuân, Hà Phát 3, Bắc Thịnh, Thiên ưu 8     |                                                              |
| 3          | Nhóm lúa tẻ thơm                 | Đài thơm 8, HT1                                              |                                                              |
| <b>II</b>  | <b>Nhóm lúa tẻ Japonica</b>      | J02                                                          |                                                              |
| <b>III</b> | <b>Nhóm lúa nếp</b>              | IR352 (Nếp 87)                                               |                                                              |

**II. Đối với ngô**

| TT | Nhóm giống theo mục đích sử dụng             | Giống                                                                                                          |
|----|----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Nhóm ngô tẻ lấy hạt                          | Chín trung bình: C.P.511, VN5885, LVN61, LVN092, B9698<br>Chín muộn: CP888                                     |
| 2  | Nhóm ngô tẻ lấy hạt có hàm lượng protein cao | VS6939, NK6253, LCH9                                                                                           |
| 3  | Nhóm ngô tẻ sinh khối                        | NK7328, C.P.512, C.P.111                                                                                       |
| 4  | Nhóm ngô nếp                                 | Nếp trắng: HN88, MX6<br>Nếp đường: HANA685<br>Nếp 1 màu: Funcy 111<br>Nếp nhiều màu: Tím ngọt 099, Tím dẻo 926 |
| 5  | Nhóm ngô đường                               | Golden Cob, SW1011, Hi-brix 58, HANA01836                                                                      |

**Phụ lục 4:**  
**DANH SÁCH GIỐNG ĐỐI CHỨNG LÚA, NGÔ PHỤC VỤ KHẢO NGHIỆM VCU**  
**VÙNG ĐÔNG NAM BỘ**  
*(Kèm theo Thông báo số:           /TT-CLT ngày    tháng    năm*  
*của Cục trưởng Cục Trồng trọt)*

**I. Đối với lúa**

| TT        | Nhóm giống theo mục đích sử dụng | Lúa thuần                     | Lúa lai                                       |
|-----------|----------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Nhóm lúa tẻ Indica</b>        |                               |                                               |
| 1         | Nhóm lúa tẻ năng suất cao        | A0: IR50404                   | Lai 2 dòng: HR182<br>Lai 3 dòng: PHB71, BTE-1 |
|           |                                  | A1: OM5451, OM18              |                                               |
|           |                                  | A2: OM6976                    |                                               |
| 2         | Nhóm lúa tẻ chất lượng cao       | OM5451; OM18                  |                                               |
| 3         | Nhóm lúa tẻ thơm                 | Nàng Hoa 9, VD 20, Đài thơm 8 |                                               |
| <b>II</b> | <b>Nhóm lúa nếp</b>              | IR4625                        |                                               |

**II. Đối với ngô**

| TT | Nhóm giống theo mục đích sử dụng | Giống                           |
|----|----------------------------------|---------------------------------|
| 1  | Nhóm ngô tẻ lấy hạt              | C.P.511, LVN61                  |
| 2  | Nhóm ngô tẻ sinh khối            | NK7328, P4311, C.P.512, C.P.111 |
| 3  | Nhóm ngô nếp                     | Bạch Long, VH686, MX10, ADI668  |
| 4  | Nhóm ngô đường                   | Golden cob, Honey10, HANA01836  |

**Phụ lục 5:**  
**DANH SÁCH GIỐNG ĐỐI CHỨNG LÚA, NGÔ PHỤC VỤ KHẢO NGHIỆM VCU**  
**VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**  
*(Kèm theo Thông báo số        /TT-CLT ngày        tháng        năm*  
*của Cục trưởng Cục Trồng trọt)*

**I. Đối với lúa**

| TT         | Nhóm giống theo mục đích sử dụng         | Lúa thuần                                                     | Lúa lai                                       |
|------------|------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Nhóm lúa tẻ Indica</b>                |                                                               |                                               |
| 1          | Nhóm lúa tẻ năng suất cao                | A0: IR50404; OM380<br>A1: OM5451, OM18<br>A2: OM 6976, OM7347 | Lai 2 dòng: HR182<br>Lai 3 dòng: PHB71, BTE-1 |
| 2          | Nhóm lúa tẻ chất lượng cao               | A1: OM5451; OM18<br>A2: OM4900, OM7347                        |                                               |
| 3          | Nhóm lúa tẻ thơm                         | Nàng Hoa 9, Đài thơm 8, ST24, VD20                            |                                               |
| <b>II</b>  | <b>Nhóm lúa tẻ Japonica</b>              | ĐS1, Hananomai                                                |                                               |
| <b>III</b> | <b>Nhóm lúa nếp</b>                      | IR4625, Nếp AG                                                |                                               |
| <b>IV</b>  | <b>Nhóm lúa có giá trị về dinh dưỡng</b> | ST3 đỏ                                                        |                                               |
| <b>V</b>   | <b>Nhóm lúa chịu mặn</b>                 | OM2517, ST 5, Một bụi đỏ                                      |                                               |

**II. Đối với ngô**

| TT | Nhóm giống theo mục đích sử dụng | Giống                           |
|----|----------------------------------|---------------------------------|
| 1  | Nhóm ngô tẻ lấy hạt              | C.P.511, LVN61                  |
| 2  | Nhóm ngô tẻ sinh khối            | NK7328, P4311, C.P.512, C.P.111 |
| 3  | Nhóm ngô nếp                     | Bạch Long, VH686, MX10, ADI668  |
| 4  | Nhóm ngô đường                   | Golden cob, Honey10, HANA01836  |